

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 28-03-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Lý

Bà Ngô Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đại P1**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 7 năm 1995 tại Gia Lai. Nơi cư trú: Tổ 08 phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Tổ 03 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình D, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án 01 lần: Ngày 22/6/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự) tại Bản án số 69/2020/HS-ST; chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, Bộ Công an. Ngày 13/5/2022, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không; bị cáo Trần Đại P1 bị tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 17/11/2022 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; **Có mặt.**

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1970; địa chỉ: 66 Lý Nam Đế, tổ 05 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. Bà Dương Thị Cẩm L, sinh năm 1970; địa chỉ: 66 Lý Nam Đế, tổ 05 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Đình D, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 03 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt;*

2. Ông Võ H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 02 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đại P1 là người đã bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản” và chưa được xóa án tích. Khoảng 21 giờ ngày 11-11-2022, P1 điều khiển xe mô tô biển số 81H8-4832 đến cửa hàng điện thoại di động ở số 66 đường Lý Nam Đế, Tổ 05, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai, do ông Nguyễn Hữu K (sinh năm 1970) làm chủ, để mua dây sạc điện thoại di động. Khi đến nơi, P1 dựng xe mô tô biển số 81H8-4832 phía trước cửa hàng, rồi đi vào đứng bên ngoài quầy hàng và hỏi ông K mua dây sạc. Lúc này, ông K đang ngồi đếm tiền tại bàn bên trong quầy hàng; khi P1 hỏi mua dây sạc, thì ông K để một lốc tiền (gồm nhiều xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng) đã được đếm và cột dây thun xuống bàn, rồi đứng lên lấy dây sạc để bán cho P1. Quan sát thấy trên bàn bên trong quầy hàng của ông K có nhiều tiền, nên P1 nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khi ông K đang tìm dây sạc, thì P1 đi đến gần vị trí bàn để tiền dùng tay cầm lốc tiền mà ông K vừa đếm lên xem, thì vừa lúc bà Dương Thị Cẩm L (sinh năm 1970, là vợ của ông K) đi từ cầu thang xuống cửa hàng. P1 liền đưa xấp tiền cho bà L và giả vờ bảo bà L cất đi; bà L cầm lốc tiền để lại lên bàn rồi cùng với ông K tìm dây sạc bán cho P1. Lúc này khoảng 21 giờ 05 phút cùng ngày, lợi dụng lúc ông K và bà L sơ hở, P1 đi đến bàn để tiền nhanh chóng chồm người, dùng tay lấy lốc tiền mà trước đó đã cầm lên xem, rồi bỏ chạy ra ngoài lấy xe mô tô biển số 81H8-4832 để tẩu thoát. Lúc này, ông K đang ngồi bên cạnh bàn để tiền, nên liền đuổi theo P1; khi P1 vừa ngồi lên xe mô tô 81H8-4832, thì bị ông K đuổi kịp, đập ngã và bắt giữ.

Ngay sau đó, ông K gọi điện trình báo Công an phường B, thành phố P đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với P1, thu giữ số tiền P1 chiếm đoạt của ông K là 29.400.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) cùng với xe mô tô biển số 81H8-4832. Vụ việc sau đó được Công an phường B chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử lý. Quá trình điều tra vụ án, sau khi làm rõ hành vi của P1, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại số tiền 29.400.000 đồng cho ông K.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Fusin, màu bạc-đen, biển số 81H8-4832, là phương tiện Trần Đại P1 sử dụng đi mua dây sạc điện thoại và sau đó chiếm đoạt

tiền của ông Nguyễn Hữu K vào ngày 11-11-2022, qua điều tra xác định là tài sản của ông Trần Đình D (sinh năm 1966, là cha của P1). Vào ngày 11/11/2022, P1 tự ý lấy xe mô tô 81H8-4832 sử dụng mà không hỏi mượn ông D; việc P1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác, thì ông D không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe mô tô trên cho ông D.

Quá trình điều tra vụ án, ông Nguyễn Hữu K giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đĩa DVD ghi video diễn biến hành vi chiếm đoạt tiền của ông K do Trần Đại P1 thực hiện, được trích xuất từ camera an ninh bên trong cửa hàng của ông K. Đĩa DVD trên được Cơ quan điều tra niêm phong và lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Sau khi được nhận lại số tiền bị cáo Trần Đại P1 chiếm đoạt, ông Nguyễn Hữu K và bà Dương Thị Cẩm L không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đại P1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 15-02-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Trần Đại P1 về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Trần Đại P1; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Đại P1 phạm tội: “Cướp giật tài sản”

1. Về hình phạt:

a. Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 38; Điều 50 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Đại P1 mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

b. Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

2. Về xử lý vật chứng: Không

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử buộc bị cáo Trần Đại P1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến kiến tranh luận đối với luận tội, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Võ H, nhưng trước đó đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 21 giờ 05 phút ngày 11-11-2022, tại cửa hàng điện thoại di động của ông Nguyễn Hữu K (số 66 Lý Nam Đế, tổ 05 phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai), lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của ông K và bà Dương Thị Cẩm L (là vợ ông K) khi đếm tiền và để tiền trên bàn bên trong quầy hàng, nên P1 đã nhanh chóng chồm người, dùng tay lấy số tiền 29.400.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chiếm đoạt được rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài cửa hàng điện thoại của ông K. Ông K và bà L liền đuổi theo đến khi P1 vừa ngồi lên xe mô tô định bỏ chạy, thì bị ông K đuổi kịp, bắt giữ. Ngay sau đó, P1 bị Công an phường B, thành phố P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; số tiền P1 chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho ông K, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 11-11-2022, bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 69/2020/HSST ngày 22-6-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà lại cố ý thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác, công khai dùng tay giật lấy tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt như nêu trên của bị cáo Trần Đại P1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài cho cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Bị

cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã giật được tài sản là số tiền của bị hại đang để trên bàn, rồi nhanh chóng tẩu thoát khỏi nơi để tiền cùng với số tiền đã chiếm đoạt được nên tội phạm đã hoàn thành, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận bị cáo phạm tội chưa đạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội mới, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”*, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tiền do bị cáo Trần Đại P1 chiếm đoạt, tại phiên tòa bị hại vắng mặt, trong quá trình điều tra bị hại ông Nguyễn Hữu K và bà Dương Thị Cẩm L không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, ông Nguyễn Hữu K giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đĩa DVD ghi video diễn biến hành vi chiếm đoạt tiền của ông K do Trần Đại P1 thực hiện, được trích xuất từ camera an ninh bên trong cửa hàng của ông K. Đĩa DVD trên được Cơ quan điều tra niêm phong và lưu giữ vào hồ sơ vụ án là đúng quy định.

[9] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Fusin, màu bạc-đen, biển số 81H8-4832, là phương tiện Trần Đại P1 sử dụng đi mua dây sạc điện thoại và sau đó chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Hữu K vào ngày 11-11-2022, qua điều tra xác định là tài sản của ông Trần Đình D là cha của P1. Vào ngày 11-11-2022, P1 tự ý lấy xe mô tô 81H8-4832 sử dụng mà không hỏi mượn ông D; việc P1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác, thì ông D không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại xe mô tô trên cho ông D là có cơ sở.

[10] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đại P1 phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Đại P1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11-11-2022).

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đại P1 phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Công Tồn